| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**QUẬN HOÀNG MAI**<br>**TP. HÀ NỘI**<br>**--------** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc<br>**----------** |

Bản án số: **42**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28/7/2022
V/v tranh chấp về ly hôn

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ***Bà Trần Thị Kim Cúc***

Các Hội thẩm nhân dân : ***1. Bà Tạ Thị Thà***

***2. Bà Trần Thị Kim Dung***

Thư ký phiên tòa: ***Bà Nguyễn Thị Minh Ngọc***

***-*** *Thư ký Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai*

Đại diện VKSND quận Hoàng Mai - TP Hà Nội tham gia phiên tòa:

***Bà Nguyễn Thị Tư - Kiểm sát viên***

Ngày 28 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Hoàng Mai - thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 279/2022/HSST ngày 06/5/2022 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 12/7/2022 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T- sinh năm 1980( vắng mặt)**

HKTT: Số 49 tổ 2 phường H, quận H, Hà Nội

Nơi ở hiện nay: Ô 66-68 khu phố H, T, T, Bình Dương

- **Bị đơn: Anh Nguyễn Hoành T**- sinh năm 1976( vắng mặt)

HKTT và chỗ ở: Số nhà 2 ngõ 47 đường H, phường H, quận H, Hà Nội.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày***:

Về tình cảm: Chị và anh Nguyễn Hoành T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 17/4/2008 tại Ủy ban nhân dân phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, Hà Nội. Đây là lần kết hôn đầu tiên của chị. Sau khi

kết hôn hai anh chị sống tại Số nhà 2 ngõ 47 đường H, phường H, quận H, Hà Nội.

Quá trình chung sống, hơn một năm thì phát sinh rất nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là chồng chị nghiện ma túy, phá tán tài sản gia đình. Chị đã rất nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh T không thay đổi. Anh T mỗi lúc lên cơn nghiện thì chửi mắng, đánh đập vợ con, ghen tuông vô cớ. Nếu cứ tiếp tục để con chị sống trong môi trường như vậy thì sẽ ảnh hưởng rất lớn đến tương lai của các cháu. Do đó, năm 2019, ba mẹ con chị phải đi vào Bình Dương sinh sống. Chị phải đi xa hẳn như vậy để anh T không có điều kiện quấy rối ba mẹ con chị được. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: chị T xác nhận trong thời kỳ hôn nhân anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Hoành T, sinh ngày 30/12/2008 và cháu Nguyễn Hoành Thu T, sinh ngày 01/6/2013. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu do từ trước đến nay hai con đều do chị trực tiếp nuôi nấng, Về cấp dưỡng nuôi con, chị không đề nghị anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nhà ở chung : Chị cam kết vợ chồng không có tài sản chung. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về các khoản nợ chung: Chị cam kết không vay nợ ai và không cho ai vay nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- **Bị đơn là anh Nguyễn Hoành T trình bày**: Anh xác nhận quá trình kết hôn, thời gian chung sống như chị T trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng có thời gian chung sống hạnh phúc, sau này phát sinh mâu thuẫn lý do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng hay cãi vã. Chị T bỏ nhà đi từ năm 2019 đến nay. Việc chị T ly hôn, anh không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: anh T xác nhận trong thời kỳ hôn nhân anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Hoành T, sinh ngày 30/12/2008 và cháu Nguyễn Hoành Thu T, sinh ngày 01/6/2013. Hiện cả hai con đều ở với chị T. Khi ly hôn, anh tôn T ý kiến của các con muốn ở với ai là quyền của các cháu.

Về tài sản chung, nhà ở chung : anh T cam kết vợ chồng không có tài sản chung.

Về các khoản nợ chung: anh T cam kết không vay nợ ai và không cho ai vay nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

**Tại phiên tòa**: chị T, anh T cùng có đơn xin đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến: Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng, tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử điều khiển phiên tòa theo đúng trình tự, thủ tục. Nguyên đơn. bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: chị T và anh T phát sinh mâu thuẫn đã lâu, vợ chồng ly thân 03 năm. Mâu thuẫn đã trầm T, không thể hàn gắn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, cho chị T được ly hôn với anh T. Về con chung: giao cả hai con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của anh T cho đến khi các con chung đủ tuổi trưởng thành hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Về tài sản chung và nhà ở chung: không đề nghị giải quyết nên không xem xét, về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; Về án phí: chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

***Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:***

[1] Về tố tụng và việc xét xử vắng mặt bị đơn: việc chị Nguyễn Thị T xin ly hôn với anh Nguyễn Hoành T, anh T đang trú tại địa chỉ: Số nhà 2 ngõ 47 đường Hoàng Mai, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, Hà Nội. Theo quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đây là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai.

Anh T và chị T đều đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng nhưng đều có đơn xin vắng mặt nên căn cứ vào điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Hoành T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 17/4/2008 tại Ủy ban nhân dân phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

Căn cứ vào lời trình bày của chị T và anh T và qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, thấy rằng: Sau khi kết hôn, chị T và anh T chung sống được 11 năm nhưng đến năm 2019 thì chị T cùng 02 con chung chuyển vào Bình Dương sinh sống, nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cãi vã thường xuyên. Vợ chồng anh chị đã ly thân từ năm 2019 đến nay, mỗi người một nơi không ai quan tâm tới ai. Quá trình Tòa án giải quyết đã lấy ý kiến của anh T, tuy nhiên anh T đã xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án do anh bị bệnh, hạn chế đi lại, về việc xin ly hôn của chị T, anh không có ý kiến gì chỉ đề

nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật nên có thể thấy anh T cũng không có mong muốn đoàn tụ, không có nguyện vọng để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng. Do vậy, căn cứ vào điều 56 luật hôn nhân gia đình thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa anh, chị đã trầm T, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, cho chị T được ly hôn anh T.

[3] Về con chung: Chị T và anh T cùng xác nhận trong thời kỳ hôn nhân anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Hoành T, sinh ngày 30/12/2008 và cháu Nguyễn Hoành Thu T, sinh ngày 01/6/2013. Khi ly hôn, chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị đang bán hàng quần áo, thu nhập khoảng 15 triệu đồng/ tháng.

Anh T có ý kiến con muốn ở với ai thì anh tôn T quyết định của con.

Hội đồng xét xử nhận thấy: qua ý kiến của cháu Tâm và cháu Thảo, có nguyện vọng của được ở với mẹ, mặt khác từ khi ly thân, chị T cũng một mình nuôi hai con nên để đảm bảo quyền lợi của các con anh, chị cũng như tránh sự xáo trộn cuộc sống của các cháu nên Tòa án vẫn xem xét giao cả hai con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng của anh T cho đến khi các con chung đủ tuổi trưởng thành hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở

[4] Về tài sản chung, nhà ở chung: Anh chị không có, không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về khoản nợ chung: chị T và anh T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo luật định.

***Vì các lẽ trên;***

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điều 51,56 và điều 81,82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điều 28,35, 39, 147, 227,228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự

Căn cứ vào điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14;

**Xử:**

**1.** Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, chị

Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Hoành T.

**2.** Về con chung: Giao cả hai con chung là cháu Nguyễn Hoành T, sinh ngày 30/12/2008 và cháu Nguyễn Hoành Thu T, sinh ngày 01/6/2013 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ tròn 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Nguyễn Hoành T cho đến khi con chung đủ tròn 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh Nguyễn Hoành T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

**3.** Về tài sản chung, nhà ở chung và nợ chung: anh, chị không có, không đề nghị giải quyết nên không xét.

**4.** Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp tại biên lai số AA/2022/0050088 ngày 06/5/2022 của chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Chị T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

**5.** Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Hoành T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết./.

**Nơi nhận:**
*- TANDTP Hà Nội; VKSNDTP Hà Nội*
*- Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai, TP Hà Nội;*
*- Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàng Mai, TP Hà Nội;*
*- Ủy ban nhân dân phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, Hà Nội. Quyển số 56/2008 ngày 17/4/2008);*
*- Các đương sự*
*- Lưu HS+ VP*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

***Trần Thị Kim Cúc***

5. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Bình Minh có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Kiều Thị Lan Hương vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong hạn  ngày kể từ ngày niêm yết bản án theo luật định./.

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN**
**CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**